

TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN TRUNG

-----o0o-----

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
VĂN PHÒNG	
TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ	
VĂN BẢN ĐIỆN	
Số:	4261
Ngày:	12 tháng 12 năm 23

BÁO CÁO

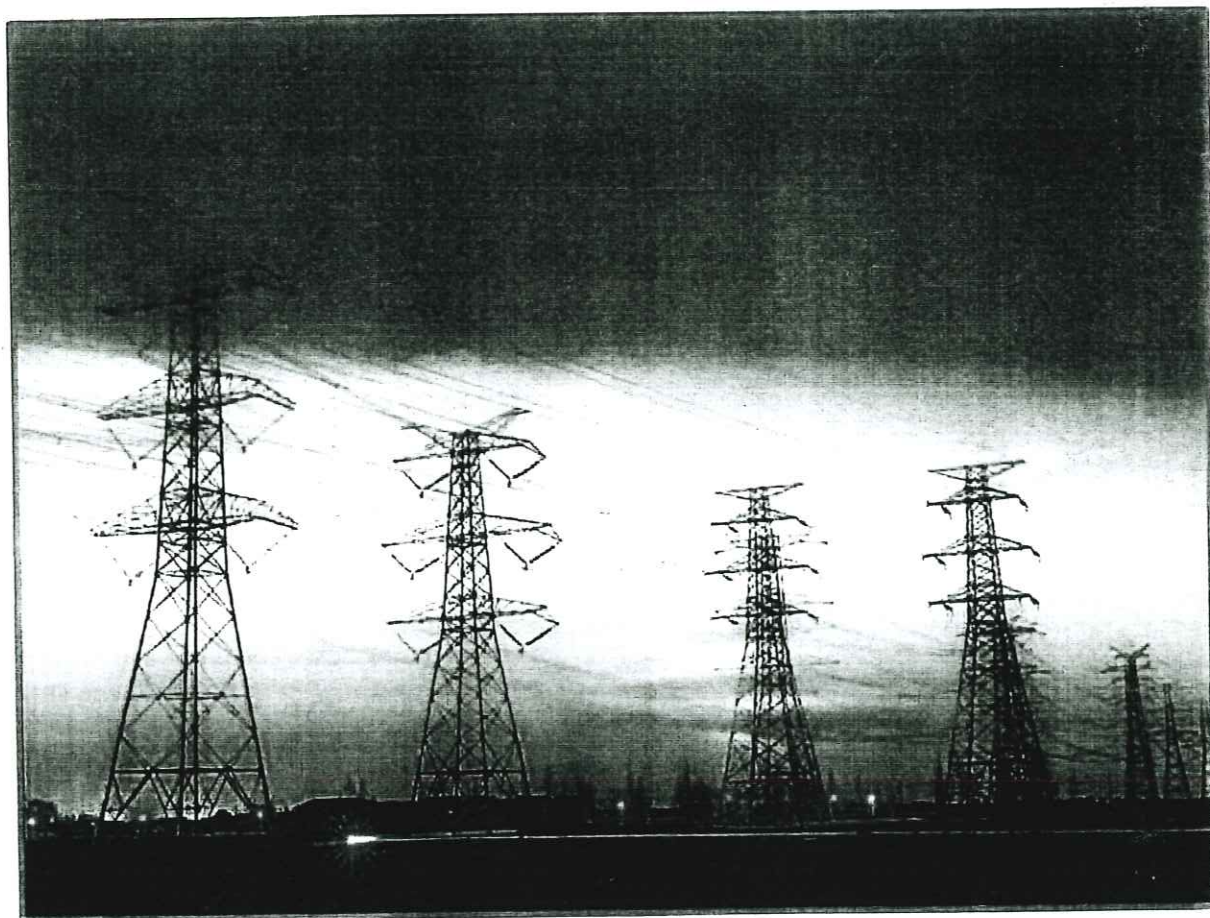
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

của dự án

ĐƯỜNG DÂY 500KV QUẢNG TRẠCH – QUỲNH LƯU

Địa điểm: Tỉnh Quảng Bình, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Nghệ An

(Báo cáo được chỉnh sửa, bổ sung theo Thông báo số 10452/BTNMT-MT ngày 11/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)



Hà Nội, tháng 12 năm 2023

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA

-----o0o-----

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của dự án

ĐƯỜNG DÂY 500KV QUẢNG TRẠCH – QUỲNH LƯU

Địa điểm: Tỉnh Quảng Bình, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Nghệ An
(Báo cáo được chỉnh sửa, bổ sung theo Thông báo số 10452/BTNMT-MT ngày 11/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CHỦ DỰ ÁN
TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA
TU. T. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN TRUNG



Bùi Công Cường

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trọng Nam

Hà Nội, tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	I
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	V
DANH MỤC CÁC BẢNG	VII
DANH MỤC HÌNH	XI
MỞ ĐẦU	1
1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN.....	1
1.1. Thông tin chung về dự án.....	1
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi.....	2
1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.....	2
2. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.....	7
2.1. Các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM.....	7
2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp thẩm quyền liên quan đến Dự án.....	11
2.3. Các tài liệu, dữ liệu do Chủ Dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.....	13
3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.....	13
3.1. Tóm tắt quá trình thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM.....	13
3.2. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường.....	14
3.3. Những người trực tiếp tham gia lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.....	14
4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.....	16
4.1. Các phương pháp ĐTM.....	16
4.2. Các phương pháp khác.....	16
5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM.....	17
5.1. Thông tin về dự án.....	17
5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường.....	20
5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư.....	21
5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.....	22
5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường.....	28
Chương 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN	31
1.1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN.....	31
1.1.1. Tên Dự án.....	31
1.1.2. Chủ Dự án.....	31
1.1.3. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án.....	31
1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án.....	40

1.1.5. Khoảng cách từ dự án đến khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường.....	42
1.1.6. Mục tiêu, quy mô, công suất, công nghệ và loại hình Dự án.....	61
1.2. CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN.....	62
1.2.1. Các hạng mục công trình chính.....	62
1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án	79
1.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	85
1.2.4. Các hạng mục, công trình không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường.....	85
1.2.5. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường	85
1.3. NGUYÊN, NHIÊN, VẬT LIỆU, HÓA CHẤT SỬ DỤNG CỦA DỰ ÁN; NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC VÀ CÁC SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN	88
1.4. CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT, VẬN HÀNH	91
1.5. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THI CÔNG.....	91
1.6. TIẾN ĐỘ, TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN	100
1.6.1. Tiến độ, tổng mức đầu tư	100
1.6.2. Tổ chức quản lý và thực hiện	100

Chương 2: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI	103
2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa hình, địa chất.....	103
2.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng.....	116
2.1.3. Điều kiện thủy văn	120
2.1.4. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án	122
2.1.5. Điều kiện kinh tế - xã hội khu vực dự án	123
2.1.5.1. Điều kiện kinh tế vùng dự án.....	131
2.1.5.2. Điều kiện về xã hội vùng dự án.....	135
2.2. HIỆN TRẠNG CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN	137
2.2.1. Dữ liệu về đặc điểm môi trường và tài nguyên sinh vật	137
2.2.2. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí.....	137
2.2.3. Hiện trạng tài nguyên sinh vật	144
2.3. NHẬN DẠNG CÁC ĐỐI TƯỢNG BỊ TÁC ĐỘNG, YẾU TỐ NHẠY CẢM VỀ MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	156
2.3.1. Đối tượng bị tác động.....	156
2.3.1. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường trong khu vực dự án	156
2.4. SỰ PHÙ HỢP CỦA ĐỊA ĐIỂM LỰA CHỌN THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	157

Chương 3: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.1. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG, XÂY DỰNG	159
3.1.1. Đánh giá, dự báo tác động.....	159
3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường	207

3.2. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH	233
3.2.1. Đánh giá, dự báo tác động	234
3.2.2. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường	247
3.3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	257
3.3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án	258
3.3.2. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường	259
3.4. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ NHẬN DẠNG, ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO	260
Chương 4: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG	263
4.1. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ DỰ ÁN	263
4.2. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CỦA CHỦ DỰ ÁN	273
4.2.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công	273
4.2.2. Quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành	274
Chương 5: KẾT QUẢ THAM VẤN	275
5.1. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG	275
5.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử	275
5.1.2. Tham vấn bằng văn bản theo quy định	275
5.2. KẾT QUẢ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG	277
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT	291
1. KẾT LUẬN	291
2. KIẾN NGHỊ	292
3. CAM KẾT	292
CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO	295
PHỤ LỤC	297

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BAH	: Bị ảnh hưởng
BCNCKT	: Báo cáo nghiên cứu khả thi
BOD ₅	: Nhu cầu oxy sinh học ở nhiệt độ 20°C trong 5 ngày
BQL	: Ban Quản lý
BTCT	: Bê tông cốt thép
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	: Bảo vệ Môi trường
BXD	: Bộ Xây dựng
BYT	: Bộ Y tế
COD	: Nhu cầu oxy hoá học
CP	: Chính phủ
CPMB	: Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
DAĐT	: Dự án đầu tư
ĐC	: Điểm cuối
ĐD	: Đường dây
ĐĐ	: Điểm đầu
ĐDK	: Đường dây trên không
DT	: Diện tích
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
ĐTXD	: Đầu tư xây dựng
EVNNPT	: Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia
GDP	: Tổng sản phẩm nội địa
GPMB	: Giải phóng mặt bằng
HLT	: Hành lang tuyến
HSMT	: Hồ sơ mời thầu
KCN	: Khu công nghiệp
KGn	: Lỗ khoan tại vị trí G _n
KH	: Kế hoạch
KHKT	: Kế hoạch Kỹ thuật
KKT	: Thiết kế kỹ thuật
KKXQ	: Không khí xung quanh
KT-XH	: Kinh tế - xã hội

MBA	: Máy biến áp
NĐ	: Nghị định
NMNĐ	: Nhà máy nhiệt điện
NLTT	: Năng lượng tái tạo
ONMT	: Ô nhiễm môi trường
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QĐ	: Quyết định
QH3LR	: Quy hoạch 3 loại rừng
QLDA	: Quản lý Dự án
QLMT	: Quản lý môi trường
QP-AN	: Quốc phòng – An ninh
SPP	: Sân phân phối
SS	: Chất rắn lơ lửng
TBA	: Trạm biến áp
TC	: Thanh cái
TCN	: Tiêu chuẩn ngành
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	: Tiêu chuẩn xây dựng
TCXDVN	: Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TĐT	: Tổng dự toán
THC	: Tổng hydro carbon
THCS	: Trường Trung học cơ sở
THPT	: Trường trung học phổ thông
TNMT	: Tài nguyên Môi trường
Tp.	: Thành phố
TSD	: Tổng sơ đồ
TT	: Thông tư
TTDL	: Trung tâm điện lực
TV2	: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
TVCD	: Tham vấn cộng đồng
UBND	: Ủy ban Nhân dân
VTTB	: Vật tư thiết bị
WHO	: Tổ chức y tế thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 0.1: Danh sách những người tham gia lập báo cáo ĐTM	14
Bảng 1.1: Thống kê địa phương tuyến đường dây đi qua	31
Bảng 1.2: Toạ độ điểm góc xác định vị trí ĐD 500kV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu.....	34
Bảng 1.3: Hiện trạng sử dụng đất của Dự án.....	41
Bảng 1.4: Mô tả khoảng cách từ Dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm môi trường.....	44
Bảng 1.5: Tổng hợp các khu dân cư và khu vực nhạy cảm về môi trường	58
Bảng 1.6: Số lượng và khối lượng thi công các móng trên tuyến	64
Bảng 1.7: Số lượng, chiều cao và khối lượng các cột trên tuyến	72
Bảng 1.8: Bố trí cột tại các khoảng vượt lớn.....	77
Bảng 1.9: Các hạng mục xây lắp chính phần ngăn lộ 500kV	77
Bảng 1.10: Diện tích các kho bãi.....	80
Bảng 1.11: Vị trí và khối lượng đắp đường tạm thi công.....	83
Bảng 1.12: Danh mục máy móc, thiết bị thi công chính	88
Bảng 1.13: Nhu cầu sử dụng nguyên - nhiên liệu của cơ sở	91
Bảng: Vị trí và khối lượng phá đá bằng phương pháp nổ mìn	92
Bảng 1.14: Tổng mức đầu tư của Dự án.....	100
Bảng 2.1: Đặc điểm địa hình tại các vị trí trên khu vực địa hình đồi núi dốc.....	107
Bảng 2.2: Bảng tổng hợp chỉ tiêu cơ lý tiêu chuẩn của các lớp đất trạng thái tự nhiên (Đoạn 1)	110
Bảng 2.3: Bảng tổng hợp chỉ tiêu cơ lý tiêu chuẩn của các lớp cát trạng thái tự nhiên (Đoạn 1)	111
Bảng 2.4: Bảng tổng hợp chỉ tiêu cơ lý tiêu chuẩn của lớp đá (Đoạn 1)	112
Bảng 2.5: Bảng tổng hợp chỉ tiêu cơ lý tiêu chuẩn của các lớp đất trạng thái tự nhiên (Đoạn 2)	113
Bảng 2.6: Bảng tổng hợp chỉ tiêu cơ lý tiêu chuẩn của các lớp cát trạng thái tự nhiên (Đoạn 2)	114
Bảng 2.7: Bảng tổng hợp chỉ tiêu cơ lý tiêu chuẩn của lớp đá (Đoạn 2)	115
Bảng 2.8: Biến trình nhiệt độ không khí qua các năm	116
Bảng 2.9: Lượng mưa, bốc hơi đo được qua các năm.....	117
Bảng 2.10: Độ ẩm không khí đo được qua các năm.....	118
Bảng 2.11: Các đặc trưng về tốc độ gió trung bình tháng, năm	119
Bảng 2.12: Thống kê các cơn bão và ATNĐ ảnh hưởng đến vùng biển Nghệ An - Quảng Bình (1961-2021).....	119
Bảng 2.13: Mức nước lũ lịch sử điều tra và tính toán tại các đoạn vượt sông đặc trưng	

của tuyến đường dây.....	122
Bảng 2.14: Diện tích các loại đất vùng dự án	131
Bảng 2.15: Đặc điểm kinh tế các địa phương vùng dự án	132
Bảng 2.16: Đặc điểm dân số, thu nhập và tỉ lệ hộ nghèo vùng dự án	135
Bảng 2.17: Tổng hợp cơ sở đào tạo vùng dự án	136
Bảng 2.18: Tình hình y tế, sức khỏe cộng đồng.....	137
Bảng 2.19: Thông tin quan trắc chất lượng môi trường.....	138
Bảng 2.20: Chất lượng môi trường không khí xung quanh	140
Bảng 2.21: Kết quả phân tích chất lượng nước mặt.....	141
Bảng 2.22: Kết quả phân tích chất lượng môi trường đất.....	143
Bảng 2.23: Các chỉ tiêu cấu trúc rừng theo hiện trạng rừng tự nhiên, cấp chiều cao (Hvn)	145
Bảng 2.24: Kết quả điều tra hiện trạng rừng tại các vị trí móng cột thuộc quy hoạch rừng đặc dụng.....	149
Bảng 2.25: Các đối tượng bị tác động bởi Dự án.....	156
Bảng 3.1: Nguồn gây tác động môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng	159
Bảng 3.2: Phân loại tác động theo tầm quan trọng của tác động	160
Bảng 3.3: Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt giai đoạn xây dựng.....	161
Bảng 3.4: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt giai đoạn xây dựng	162
Bảng 3.5: Lưu lượng nước mưa chảy tràn qua các mặt bằng thi công	164
Bảng 3.6: Giới hạn khí thải của xe diesel theo tiêu chuẩn Euro 3	165
Bảng 3.7: Tải lượng chất ô nhiễm từ các phương tiện vận chuyển	165
Bảng 3.8: Lượng bụi khuếch tán tại mỗi vị trí thi công.....	166
Bảng 3.9: Nồng độ bụi theo trục gió tại các vị trí thi công.....	169
Bảng 3.10: Vị trí cột và khoảng cách đến nhà dân trong phạm vi chịu ảnh hưởng....	171
Bảng 3.11: Hệ số phát sinh khí thải của động cơ diesel trong hoạt động xây dựng ...	173
Bảng 3.12: Tải lượng chất ô nhiễm từ các phương tiện thi công.....	173
Bảng 3.13: Nồng độ khí thải phát tán theo trục gió	175
Bảng 3.14: Thành phần và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	176
Bảng 3.15: Lượng sinh khối phát sinh của các thảm thực vật đặc trưng.....	177
Bảng 3.16: Khối lượng sinh khối phát sinh từ quá trình GPMB	177
Bảng 3.17: Mức ồn các thiết bị thi công và vận chuyển	179
Bảng 3.18: Độ ồn tại khu vực thi công theo khoảng cách tới nguồn	180
Bảng 3.19: Mức ồn phát sinh từ quá trình nổ mìn phá đá.....	181
Bảng 3.20: Tổng hợp diện tích đất đai bị ảnh hưởng vĩnh viễn.....	182

Bảng 3.21: Tổng hợp diện tích đất đai BAH trong hành lang tuyến đường dây.....	185
Bảng 3.22: Tổng hợp diện tích đất bị ảnh hưởng do thi công (đường tạm)	188
Bảng 3.23: Nhà và công trình BAH trong hành lang tuyến	189
Bảng 3.24: Diện tích rừng và đất lâm nghiệp trong phạm vi hành lang tuyến.....	191
Bảng 3.25: Diện tích rừng và đất lâm nghiệp tại vị trí móng cột	192
Bảng 3.26: Diện tích rừng và đất lâm nghiệp tại vị trí mượn tạm thi công	193
Bảng 3.27: Hoa màu, cây cối bị ảnh hưởng	194
Bảng 3.28: Thống kê vị trí giao chéo với đường giao thông.....	198
Bảng 3.29: Vị trí giao chéo với các tuyến đường sông	200
Bảng 3.30: Các công trình hồ đập dọc tuyến đường dây	203
Bảng 3.31: Kế hoạch đền bù các hộ bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án.....	213
Bảng 3.32: Nguồn gây tác động môi trường trong giai đoạn vận hành	234
Bảng 3.33: Cường độ điện trường và giới hạn cho phép làm việc trong 1 ngày đêm.....	242
Bảng 3.34: Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường	258
Bảng 3.35: Tổng hợp mức độ tin cậy của các đánh giá.....	262
Bảng 4.1: Chương trình quản lý môi trường của Dự án	263
Bảng 5.1: Thông tin tham vấn bằng văn bản	276
Bảng 5.2: Kết quả tham vấn cộng đồng	277

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1: Sơ đồ hướng tuyến ĐD 500kV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu	38
Hình 1.2: Sơ đồ vị trí Trạm lắp quang	39
Hình 1.3: Vị trí mở rộng ngăn lộ 500kV tại sân phân phối 500kV Quảng Trạch	39
Hình 1.4: Khoảng cách giữa hướng tuyến đường dây 500kV và khu BTTN Kê Gổ	61
Hình 1.5: Sơ đồ các loại móng điển hình	70
Hình 1.6: Sơ đồ cột tuyến đường dây	71
Hình 1.7: Hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường	87
Hình 1.8: Sơ đồ minh họa công nghệ dẫn điện trên không	91
Hình 1.9: Sơ đồ minh họa mặt bằng bố trí thiết bị, vật liệu đổ bê tông tại chỗ	96
Hình 1.10: Sơ đồ bố trí thiết bị căng dây tại một khoảng néo	99
Hình 2.1: Bản đồ hành chính tỉnh Quảng Bình	103
Hình 2.2: Bản đồ hành chính tỉnh Hà Tĩnh	104
Hình 2.3: Bản đồ hành chính tỉnh Nghệ An	105
Hình 2.4: Sơ đồ hướng tuyến qua khu vực quy hoạch rừng đặc dụng huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	147
Hình 2.5: Các khu vực bảo tồn và bảo vệ đa dạng sinh học trong khu vực dự án	155
Hình 3.1: Cấu hình bố trí đất thừa đắp trên mặt móng	212
Hình 3.2: Sơ đồ giàn giáo kéo dây vượt đường giao thông	223
Hình 3.3: Phân bố cường độ điện trường dưới ĐD 500kV	238
Hình 3.4: Phân bố điện trường dưới ĐD 500kV tại vị trí giao chéo ĐD 220kV	239
Hình 3.5: Phân bố điện trường dưới ĐD 500kV tại vị trí giao chéo ĐD 110kV	240
Hình 3.6: Mô hình tiếp địa mái tôn cho nhà dân	252
Hình 3.7: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý trong giai đoạn thi công	259

MỞ ĐẦU

1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN

1.1. Thông tin chung về dự án

Hệ thống điện Việt Nam hiện nay tồn tại vấn đề phân bố nguồn điện không đồng đều giữa các miền/ khu vực trong cả nước đặt ra nhu cầu truyền tải công suất lớn giữa các miền; trong khi năng lực truyền tải liên miền còn nhiều hạn chế dẫn đến độ dự trữ và độ tin cậy trong truyền tải còn thấp. Khi xảy ra sự cố trên đường dây 500kV liên miền sẽ dễ gây ra hiện tượng sụp đổ điện áp và rã lưới cục bộ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ thống điện, phụ tải điện và sự phát triển kinh tế, xã hội.

Sự xuất hiện của các nguồn năng lượng tái tạo ở miền Trung và miền Nam, cũng như tăng trưởng nhanh chóng của phụ tải miền Bắc trong giai đoạn 2019-2021 đã dẫn đến sự thay đổi trong xu hướng truyền tải liên miền. Hướng truyền tải miền Trung ra miền Bắc trở thành xu hướng truyền tải chính, thay cho hướng truyền tải Bắc – Trung. Cao điểm nắng nóng năm 2021, 2022 ghi nhận nhiều thời điểm Đường dây truyền tải Bắc – Trung vận hành với công suất 1800 – 2000 MW, gần với giới hạn truyền tải.

Năm 2022, sau khi Đường dây 500kV “mạch 3” vào vận hành, cung đoạn 500kV Nho Quan – Hà Tĩnh – Vũng Áng trở thành “nút cổ chai” cho truyền tải liên miền, theo cả hai chiều Bắc – Trung và Trung – Bắc. Trong khi đó, tiến độ các nguồn điện trên cả ba miền có nhiều biến động. Điều này dẫn đến nhu cầu gia tăng khả năng truyền tải trên cung đoạn Nho Quan – Hà Tĩnh theo cả hai chiều.

Cung với đó là sự tăng trưởng nhanh của phụ tải miền Bắc kết hợp với chậm tiến độ nhiều nguồn nhiệt điện dẫn đến nhu cầu truyền tải theo hướng Trung – Bắc sẽ tăng dần theo từng năm trong giai đoạn 2023 – 2027.

Để khắc phục tình trạng truyền tải cao trên giao diện Bắc Trung bộ – Bắc bộ, cần tích cực triển khai xây dựng các đường dây 500kV liên kết, hoàn thiện cấu hình lưới điện truyền tải trong giai đoạn 2023 – 2027. Đặc biệt là hoàn thành đồng điện đường trục 500kV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu – Thanh Hóa – Nhiệt điện Nam Định – Thái Bình – Phố Nối.

Đường dây 500kV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu – Thanh Hóa – Nhiệt điện Nam Định – Phố Nối là đường dây cực kỳ quan trọng đối với năng lực truyền tải liên miền và đảm bảo cung ứng điện miền Bắc, giúp tháo bỏ “nút cổ chai” trên lưới truyền tải 500kV, không chỉ nâng cao năng lực truyền tải của giao diện truyền tải nội miền Bắc Trung bộ – Bắc bộ mà cả giao diện truyền tải liên miền Bắc – Trung. Đây là đường dây 500kV có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với hệ thống truyền tải điện liên miền và đảm bảo cung cấp điện cho miền Bắc.

Dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu (thay cho Đường dây 500kV NĐ Vũng Áng 3 – Quỳnh Lập) được đầu tư xây dựng nhằm các mục tiêu: Tăng cường năng lực truyền tải cho các đường dây 500kV hiện hữu để đảm bảo cấp điện cho miền Bắc, đặc biệt khi xu hướng công suất truyền tải cao theo hướng Trung – Bắc do phụ tải khu vực miền Bắc có tốc độ tăng trưởng cao; Nâng cao độ dự trữ ổn định trên giao diện Bắc – Trung, kết hợp với cung đoạn Đường dây 500kV Quỳnh Lưu – Thanh Hóa – Nam Định 1 – Phố Nối góp phần tạo mối liên kết mạnh từ trung tâm các nguồn điện Bắc Trung bộ về trung tâm phụ tải khu vực miền Bắc là cơ sở quan trọng để vận hành an toàn, tin cậy, ổn định và tối ưu cho hệ thống điện góp phần giảm chi phí vận hành hệ thống điện; Truyền

tải công suất các nhà máy nhiệt điện khu vực Bắc Trung bộ cũng như các nhà máy Năng lượng tái tạo khu vực Bắc Trung Bộ và phụ cận vào hệ thống điện Quốc gia, cung cấp điện cho trung tâm phụ tải khu vực miền Bắc.

Theo dự báo của Quy hoạch điện VIII, nhu cầu tiêu thụ điện khu vực miền Bắc sẽ có tốc độ tăng trưởng trung bình cao nhất trong cả ba miền, tiếp theo là miền Trung và miền Nam. Đặc biệt nhu cầu phụ tải điện sẽ tăng trưởng rất lớn khi hình thành các khu kinh tế ven biển khu vực đồng bằng bắc bộ tại các tỉnh Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Nam Định, Thái Bình, Quảng Ninh như khu kinh tế Vũng Áng, Nghi Sơn, Vân Đồn, Thái Bình, Ninh Cơ. Do đó, việc đầu tư xây dựng đường dây 500kV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu (là 01 cung đoạn trong trục Đường dây 500kV liên kết Bắc – Trung) nhằm hoàn chỉnh đường dây 500kV Bắc – Nam mạch 3, đảm bảo cung cấp điện cho các khu kinh tế quan trọng của cả nước, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1507/QĐ-TTg ngày 01/12/2023.

Tại Quyết định số 1507/QĐ-TTg ngày 01/12/2023, Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đối với diện tích 38,5952 ha thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của Thủ tướng Chính phủ theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 8434/BN-N-KL ngày 20/11/2023.

Dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu là dự án đầu tư mới, tuyến đường dây điểm đầu xuất phát từ Sân phân phối 500kV Nhiệt điện Quảng Trạch và điểm cuối tại vị trí D1 (nằm cách TBA 500kV Quỳnh Lưu dự kiến khoảng 300m thuộc địa phận xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An). Tuyến có chiều dài khoảng 225,5 km đi qua địa phận tỉnh Quảng Bình 1,98 km; tỉnh Hà Tĩnh 140,79 km; và tỉnh Nghệ An 82,69 km. Tổng diện tích đất bị ảnh hưởng bởi dự án là 896,67 ha, trong đó diện tích móng là 135,12 ha; hành lang tuyến là 721,54 ha và đường tam là 40,01 ha. Tổng diện tích rừng cần chuyển mục đích sử dụng để thực hiện Dự án theo quy định pháp luật về lâm nghiệp khoảng 85,7196 ha (rừng tự nhiên 20,9860 ha, rừng trồng 64,7336 ha).

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi

Dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu là dự án đầu tư xây dựng mới, đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1507/QĐ-TTg ngày 01/12/2023.

Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án do Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) phê duyệt.

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.3.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

1.3.1.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch tổng thể quốc gia

Theo Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 07/01/2023 về việc quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tại Khoản 2 Điều 9: Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật cấp Quốc gia, trong đó nêu: “Phát triển hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu

cầu đảm bảo vững chắc an ninh năng lượng Quốc gia, cung cấp đầy đủ năng lượng ổn định, có chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội,.. Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới lưới điện truyền tải 500kV liên vùng đồng bộ với phát triển nguồn điện, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả...”.

Việc xây dựng đường dây 500kV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu với mục đích chính là nâng cao độ dự trữ ổn định trên giao diện Bắc - Trung, kết hợp với cung đoạn Đường dây 500kV Quỳnh Lưu - Thanh Hóa - Nam Định I - Phố Nối góp phần tạo mối liên kết mạnh từ các nguồn điện khu vực Bắc Trung Bộ về trung tâm phụ tải khu vực miền Bắc, đồng thời, truyền tải công suất các nhà máy điện và năng lượng tái tạo khu vực Bắc Trung Bộ vào hệ thống điện Quốc gia.

Như vậy, việc thực hiện dự án là hoàn toàn phù hợp với Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã nêu tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 07/01/2023.

1.3.1.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Quy hoạch BVMT Quốc gia thời kỳ 2021-2030:

Hiện nay, Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang ở giai đoạn dự thảo, chưa được phê duyệt. Do đó, nội dung đánh giá sự phù hợp của địa điểm thực hiện Dự án với Quy hoạch BVMT Quốc gia chưa đủ cơ sở thực hiện. Theo phương án tuyến đường dây đề xuất thì hướng tuyến chọn đã tránh đến mức thấp nhất các ảnh hưởng đến khu vực nhạy cảm về môi trường.

Chiến lược BVMT Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

Theo Quy hoạch điện VIII, kịch bản phát triển nguồn và lưới điện tại Quy hoạch điện VIII là kịch bản đáp ứng được các mục tiêu bảo vệ môi trường và có xét đến các yếu tố cực đoan của điều kiện thời tiết, phù hợp với mục tiêu của Chiến lược BVMT được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 Phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Về mục tiêu Dự án, Tuyến ĐD 500kV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu có nhiệm vụ truyền tải công suất các nhà máy NLTT khu vực Bắc Trung Bộ vào hệ thống điện quốc gia, cung cấp điện cho trung tâm phụ tải khu vực Miền Bắc, phù hợp với nhiệm vụ Phát triển năng lượng tái tạo, nhiên liệu sạch, tăng cường quản lý tổng hợp chất thải rắn, bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái để giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính của Chiến lược BVMT Quốc gia (Điểm 4b, Mục II, Điều 1, Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022).

Về địa điểm thực hiện Dự án, hướng tuyến đường dây đã tránh các khu vực có hệ sinh thái quan trọng (khu bảo tồn, rừng tự nhiên nguyên sinh). Do việc chọn hướng tuyến có xem xét tránh khu vực tập trung dân cư, giảm thiểu đến mức thấp nhất việc đi dờ nhà ở và tránh các khu vực quy hoạch hiện có của địa phương nên hướng tuyến chọn có tồn tại một số đoạn cắt qua khu vực có hiện trạng rừng tự nhiên. Tuy nhiên, rừng tự nhiên khu vực tuyến đường dây cắt qua là rừng thứ sinh với hiện trạng là rừng gỗ phục hồi và rừng nghèo có diện tích nhỏ lẻ, nằm phân tán trên các sườn núi, nơi có điều kiện canh tác khó khăn. Để giảm thiểu ảnh hưởng đến rừng tự nhiên, thiết kế tuyến đường dây được thực hiện theo giải pháp thiết kế chiều cao cột vượt rừng tự nhiên, tránh ảnh hưởng đến rừng tự nhiên trong hành lang tuyến. Theo đó, Dự án chỉ thực hiện chuyển đổi rừng tự nhiên tại vị trí móng cột, nơi không thể bố trí cột tránh rừng tự nhiên. Do vậy, hướng tuyến đường dây đề xuất được đánh giá là phù hợp với Chiến lược BVMT Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã nêu tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022.

1.3.1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch vùng

Dự án 500kV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu đi qua địa phận 03 tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh và Nghệ An thuộc vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung. Hiện nay quy hoạch vùng khu vực Dự án, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung đang trong quá trình lập, trình thẩm định, phê duyệt.

Tuy nhiên, việc phát triển hạ tầng năng lượng sẽ góp phần đáp ứng yêu cầu đảm bảo vững chắc an ninh năng lượng, cung cấp đủ năng lượng ổn định, có chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

1.3.1.4. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch tỉnh

a) Tỉnh Quảng Bình

UBND tỉnh Quảng Bình (văn bản số 1251/UBND-KT ngày 26/6/2023) đã đánh giá Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023). Tại phụ lục VI “Dự kiến danh mục Trạm biến áp và Đường dây 500kV, 220kV và 110kV tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030” không có danh mục xây dựng Đường dây 500kV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu, tuy nhiên tại trang 4, phụ lục II: Dự kiến danh mục trạm biến áp và Đường dây 500kV, 220kV và 110kV tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2023 có ghi chú “Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp, đường dây 500kV, 220kV phải căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt”. Theo đó, dự án đã có trong danh mục các đường dây 500kV xây mới và cải tạo khu vực miền bắc đưa vào vận hành giai đoạn 2021-2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 (mục 14 bảng 9 phụ lục II kèm theo Quyết định). Đồng thời hướng tuyến đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu đã được UBND tỉnh Quảng Bình thỏa thuận tại văn bản số 308/UBND-KT ngày 03/3/2023. Do đó dự án phù hợp với quy hoạch tỉnh Quảng Bình tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 và Quy hoạch điện VIII.

b) Tỉnh Hà Tĩnh

UBND tỉnh Hà Tĩnh (văn bản số 3257/UBND-KT2 ngày 26/6/2023 và văn bản số 1168/SCT-QLNL ngày 26/6/2023 của Sở Công Thương tỉnh Hà Tĩnh) đã đánh giá Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022). Tại phụ lục VI: Dự kiến danh mục trạm biến áp và đường dây 500kV, 220kV và 110kV tỉnh Hà Tĩnh đầu tư xây dựng thời kỳ 2021 – 2030 có nêu danh mục xây dựng đường dây 500kV NB Vũng Áng III – Quỳnh Lập; Theo QĐ 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (QHĐ VIII), tại phụ lục 02 có ghi rõ xây dựng Đường dây 500kV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu (thay thế cho đường dây 500kV NB Vũng Áng 3 – Quỳnh Lập). Do đó dự án phù hợp với quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022.

c) Tỉnh Nghệ An

UBND tỉnh Nghệ An đã đánh giá Dự án phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An trong giai đoạn 2021-2030 (văn bản số 1798/UBND-KT ngày 20/9/2022) và phù hợp với nội dung quy hoạch tỉnh đã được UBND tỉnh Nghệ An trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 4657/TTr-UBND ngày 13/6/2023 (văn bản số 5155/UBND-CN ngày 27/6/2023). Ngày 14/9/2023, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1059/QĐ-TTg, theo đó, Dự án có tên trong danh mục B. Danh mục trạm biến áp và đường dây 500kV, 200kV, 110kV thuộc phụ lục III. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện trên địa bàn tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030.